

Thứ tư, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Vietnam Daily Review

Thăng tiến tới mốc 1200

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/4/2021		•	
Tuần 29/3-2/4/2021		•	
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng hơn 10 điểm trong phiên sáng tuy nhiên đến cuối phiên chiều chỉ còn tăng hơn 5 điểm đóng cửa ở mốc 1191. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư suy giảm nhưng vẫn có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái cân bằng với thanh khoản suy giảm so với phiên trước. Tuy vậy, ngưỡng 1200 đang là vùng cản của chỉ số trong ngắn hạn nên có thể thị trường sẽ vận động giằng co trong khu vực 1180-1200 vào những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Chỉ có VN30F2105 ở trong trạng thái giảm, ngược với xu hướng của chỉ số VN30. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1150 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/3/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Phân tích kỹ thuật: SAB_Mô hình 2 đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.08** điểm, đóng cửa **1191.44**. HNX-Index **+5.53** điểm, đóng cửa **286.67**.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.30)**; **VHM (+0.88)**; **SAB (+0.87)**; **VIC (+0.81)**; **SSB (+0.61)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.44)**; **GVR (-0.42)**; **VJC (-0.26)**; **CTG (-0.25)**; **VPB (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,023** tỷ đồng, **-10.38%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 14,609 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 10.1 điểm. Thị trường có **222** mã tăng, 63 mã tham chiếu và **207** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-211.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-151.39 tỷ)**, **VNM (-140 tỷ)** và **VRE (-65.53 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-23.18** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1191.44**
Giá trị: 13023.78 tỷ **5.08 (0.43%)**
Khối ngoại (ròng): -211.51 tỷ

HNX-INDEX **286.67**
Giá trị: 2711.28 tỷ **5.52 (1.96%)**
Khối ngoại (ròng): -23.18 tỷ

UPCOM-INDEX **81.41**
Giá trị: 1442.8 tỷ **0.78 (0.97%)**
Khối ngoại(ròng): 1.86 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	60.7	0.28%
Giá vàng	1,685	0.00%
Tỷ giá USD/VND	23,076	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,091	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	20,872	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	0.6%	3.97%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	394.5	CTG	-151.4
STB	35.1	VNM	-140.0
OCB	19.3	VRE	-65.5
CII	11.4	VCI	-55.3
MSN	9.1	MBB	-52.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 31/3

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	60.81	0.43%	-0.60%	0.65%	69.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.41	0.42%	0.00%	1.13%	60.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	200.40	0.75%	0.75%	3.14%	104.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1684.64	-0.03%	-2.89%	-2.34%	-0.71%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.08	0.20%	-4.05%	-9.39%	54.69%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1372.25	0.40%	-4.22%	-1.37%	61.25%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	603.00	0.21%	-3.48%	-7.27%	4.51%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.56	0.34%	0.46%	-1.07%	14.40%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	216.79	-3.08%	-8.34%	-13.14%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.96	0.27%	-4.29%	-7.71%	31.92%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	123.05	0.37%	-2.73%	-9.39%	-1.01%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	8773.50	-1.03%	-2.30%	-3.34%	77.21%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	755.94	0.02%	4.21%	5.18%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	821.22	0.76%	4.57%	9.44%			
Nhôm	USD/ton	2231.00	-1.54%	0.52%	3.55%	46.20%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	166.49	-0.08%	4.55%	-5.36%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	90.00	1.35%	-1.64%	8.96%	34.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Chốt phiên 30/3, dầu thô Brent giảm 84 US cent hay 1,3% xuống 64,14 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 1,01 USD hay 1,6% xuống 60,55 USD/thùng. Các tàu đã di chuyển qua kênh đào Suez một ngày sau khi tàu Ever Given được kéo ra khỏi nơi mắc kẹt, 422 tàu tồn đọng ở đây có thể giải phóng trong 3,5 ngày tới. Với lo ngại về tình trạng thiếu hụt nguồn cung đang giảm dần, thị trường sẽ theo dõi cuộc họp của OPEC+ trong ngày thứ 5 (ngày 1/4). Saudi Arabia sẵn sàng chấp nhận gia hạn việc cắt giảm sản lượng tới tháng 6 và kéo dài việc cắt giảm sản lượng bổ sung trong bối cảnh làn sóng phong tỏa do virus corona mới nhất.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 1,6% xuống 1.684,64 USD/ounce, trong đầu phiên giao dịch giá vàng đã giảm khoảng 2% xuống mức thấp nhất kể từ ngày 8/3 tại 1.678,4 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa giảm 1,7% xuống 1.686 USD/ounce.

	31/3	% 31/3	30/3	% 30/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1191.44	0.43%	1186.36	0.91%	2.55%	0.44%
S&P 500			3958.55	-0.32%	1.23%	3.87%
HĐTL S&P500	3947.00	-0.02%	3947.70	-0.28%	1.71%	1.49%
Shang- hai	3441.91	-0.43%	3456.68	0.62%	2.22%	-3.08%
Euro Stoxx	3920.84	-0.14%	3926.20	1.12%	2.30%	5.78%

Phân tích kỹ thuật

SAB_Mô hình 2 đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: SAB đang trong quá trình hình thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng 173. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với nhịp tăng giá cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu sắp lên dải mây Ichimoku báo hiệu xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 180 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 200. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 173.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

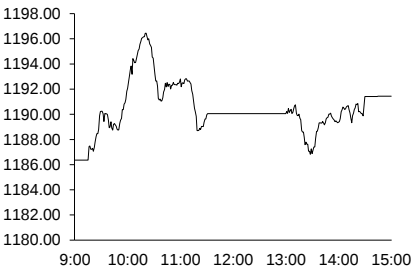
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-3.33%
Hóa chất	-0.85%
Du lịch và Giải trí	-0.69%
Bảo hiểm	-0.54%
Dầu khí	-0.42%
Y tế	-0.23%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.07%
Dịch vụ tài chính	-0.07%
Xây dựng và Vật liệu	0.01%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.13%
Truyền thông	0.18%
Bán lẻ	0.33%
Công nghệ Thông tin	0.36%
Ô tô và phụ tùng	0.45%
Bất động sản	0.53%
Ngân hàng	0.77%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.83%
Tài nguyên Cơ bản	0.92%
Thực phẩm và đồ uống	1.11%

Hình 1

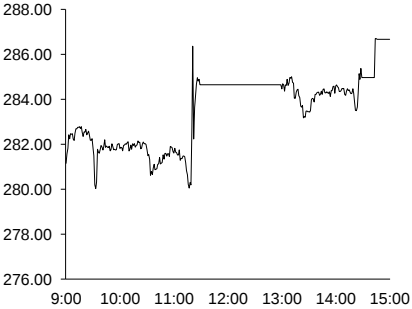
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

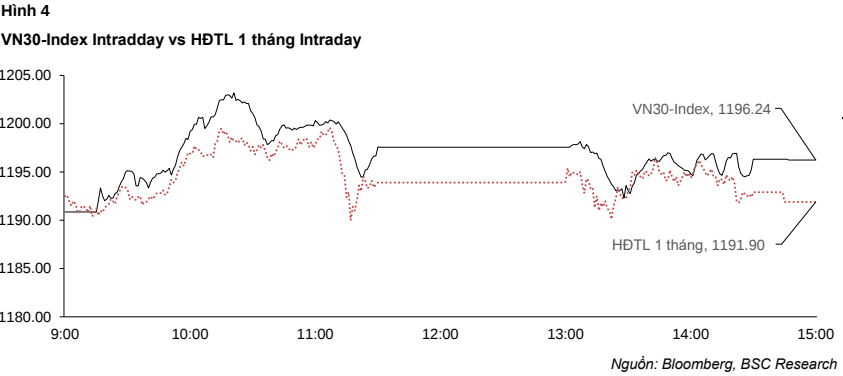
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.85	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	25.55	2	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	13.6	5	21.43%	Có thể tiếp tục mua
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	5.67	6	-3.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	8.2	7	10.81%	Có thể tiếp tục mua
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	14.2	8	-1.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	59.6	12	-2.30%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	28.8	13	0.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	30.45	14	0.66%	Có thể tiếp tục mua
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	8.49	22	9.97%	Cần nhắc không mua thêm (**)
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	23.8	27	3.70%	Có thể tiếp tục mua
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	28.3	35	5.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	14.8	37	4.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	38.15	50	-1.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	80.5	56	-3.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.5	58	4.84%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.7	63	1.04%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	SL	21	-7.06%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	TP	28	10.21%
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
2/23/2021	PVB	19.1	21.3	17.3	TP	10	11.52%
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	SL	5	-8.00%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	5	5.30%	-2.29%	3.07%	24
Cổ phiếu đã chốt	122	64	13.16%	-8.04%	5.87%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1191.90	0.06%	-4.34	17.9%	154,028	4/15/2021	17
VN30F2105	1190.80	-0.06%	-5.44	24.3%	297	5/20/2021	52
VN30F2106	1194.80	0.33%	-1.44	-27.5%	37	6/17/2021	80
VN30F2109	1191.00	0.07%	-5.24	-51.2%	59	9/16/2021	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 5.38 điểm lên mức 1196.24 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, MSN, TCB, VIC và HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 duy trì sắc xanh từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ hướng về quanh ngưỡng 1200 trong những phiên tiếp theo.
- Chỉ có VN30F2105 ở trong trạng thái giảm, ngược với xu hướng của chỉ số VN30. VN30F2104 và VN30F2105 tăng về khối lượng giao dịch trong khi VN30F2106 và VN30F2109 giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2104 và VN30F2109 giảm, còn VN30F2105 và VN30F2106 tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1150 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2017	4/26/2021	26	1:1	227,300	40.38%	2,680	6,200	19.23%	6,202	1.00	17,980	15,300	21,450
CSTB2102	6/4/2021	65	1:1	291,400	40.38%	2,000	5,100	10.15%	3,840	1.33	20,000	18,000	21,450
CSTB2007	4/27/2021	27	2:1	1,131,800	40.38%	1,500	5,270	9.56%	5,266	1.00	13,999	10,999	21,450
CSTB2014	6/14/2021	75	1:1	411,300	40.38%	3,800	9,700	9.23%	9,567	1.01	15,800	12,000	21,450
CSTB2016	5/4/2021	34	2:1	707,100	40.38%	1,200	3,750	8.70%	3,686	1.02	16,541	14,141	21,450
CSTB2103	8/9/2021	131	2:1	744,000	40.38%	1,400	3,190	8.14%	2,162	1.48	20,800	18,000	21,450
CSTB2010	6/11/2021	72	2:1	258,600	40.38%	1,100	4,850	5.43%	4,782	1.01	14,199	11,999	21,450
CHDB2007	4/27/2021	27	5:1	610,100	33.51%	1,300	3,250	4.17%	95	34.29	20,771	16,831	26,400
CHPG2025	4/9/2021	9	1:1	91,900	32.79%	2,000	12,300	3.36%	12,840	0.96	36,000	34,000	46,800
CHPG2018	5/14/2021	44	4:1	269,200	32.79%	1,200	4,350	1.64%	4,243	1.03	34,799	29,999	46,800
CTCB2013	5/4/2021	34	1:1	487,900	35.31%	4,700	17,530	1.45%	17,502	1.00	27,700	23,000	40,400
CTCB2012	7/30/2021	121	1:1	397,900	35.31%	5,400	19,040	1.28%	18,746	1.02	27,400	22,000	40,400
CHPG2024	4/7/2021	7	2:1	93,500	32.79%	2,200	9,410	0.11%	9,664	0.97	31,900	27,500	46,800
CSBT2007	4/27/2021	27	2:1	560,100	42.26%	1,700	3,560	0.00%	3,229	1.10	18,788	15,495	22,400
CVRE2103	8/9/2021	131	4:1	476,100	33.56%	1,300	1,860	0.00%	809	2.30	37,200	32,000	32,700
CMBB2010	6/14/2021	75	1:1	244,800	33.63%	4,600	12,810	-0.08%	12,305	1.04	20,600	16,000	28,150
CTCB2103	8/9/2021	131	2:1	345,500	35.31%	2,900	5,450	-0.91%	3,324	1.64	41,300	35,500	40,400
CVRE2014	5/4/2021	34	1:1	233,700	33.56%	4,600	6,130	-2.39%	5,373	1.14	32,100	27,500	32,700
CTCB2101	10/5/2021	188	1:1	137,800	35.31%	5,000	13,000	-2.99%	2,873	4.53	36,000	31,000	40,400
Tổng				7,720,000	36.78%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/3/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.
- Về giá, CEIB2001 và CMSN2012 tăng mạnh nhất lần lượt là 25.8% và 23.4%, ở chiều hướng ngược lại, CVRE2007 và CVRE2011 giảm mạnh nhất lần lượt là 37.5% và 6.2%. Thanh khoản thị trường giảm 6.33%. CTCB2013 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.41% thị trường.
- Có 12/102 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CHPG2020 và CHPG2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2013 và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	129.7	0.2%	1.0	2,629	1.8	8,654	15.0	3.8	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	84.5	0.0%	1.0	835	0.8	4,532	18.6	3.7	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	59.6	-0.7%	1.5	1,924	1.5	2,087	28.6	2.2	27.6%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.5	0.0%	0.5	316	0.0	3,406	9.5	1.0	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	117.9	0.8%	0.7	17,339	14.5	1,689	69.8	4.8	14.3%	7.1%
VRE	Bất động sản	32.7	0.3%	1.1	3,231	6.4	1,048	31.2	2.5	30.6%	8.5%
VHM	Bất động sản	97.3	1.0%	1.1	13,916	8.0	8,314	11.7	3.7	22.2%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.0	-0.2%	1.3	541	5.2	(956)		2.0	33.5%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	31.8	-0.2%	1.4	892	10.6	2,094	15.2	1.9	41.5%	13.1%
VCI	Chứng khoán	63.9	-1.4%	1.0	460	5.1	4,662	13.7	2.3	26.0%	17.9%
HCM	Chứng khoán	30.9	-0.6%	1.5	410	2.9	1,738	17.8	2.1	46.2%	12.1%
FPT	Công nghệ	77.7	0.8%	0.9	2,648	4.6	4,520	17.2	3.9	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	76.7	-0.1%	0.4	912	0.0	5,165	14.8	4.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	89.7	0.1%	1.4	7,464	2.5	4,102	21.9	3.5	2.9%	16.2%
PLX	Dầu khí	55.1	-0.7%	1.5	2,980	2.3	631	87.3	3.2	16.4%	4.4%
PVS	Dầu khí	23.0	0.9%	1.6	478	8.5	1,357	16.9	0.9	9.1%	5.4%
BSR	Dầu khí	17.7	7.3%	0.8	2,386	25.9	898	19.7	1.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	99.7	-0.1%	0.4	567	0.0	5,443	18.3	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.9	2.6%	0.7	338	2.5	1,765	11.2	1.0	13.6%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.5	1.2%	0.6	402	3.2	1,017	17.2	1.5	3.4%	8.7%
VCB	Ngân hàng	94.8	0.0%	1.1	15,287	3.9	4,974	19.1	3.6	23.5%	20.5%
BID	Ngân hàng	43.0	0.2%	1.3	7,511	4.1	1,740	24.7	2.3	17.1%	9.3%
CTG	Ngân hàng	40.2	-0.6%	1.4	6,500	20.8	3,678	10.9	1.8	27.3%	16.9%
VPB	Ngân hàng	44.7	-0.7%	1.2	4,765	5.6	4,271	10.5	2.1	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.2	-0.5%	1.2	3,425	12.9	2,965	9.5	1.6	23.1%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.3	0.0%	1.0	3,130	7.3	3,557	9.4	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	58.3	-0.7%	0.7	207	0.3	6,385	9.1	1.9	81.4%	21.2%
NTP	Nhựa	36.0	0.0%	0.5	184	0.1	3,797	9.5	1.6	18.9%	17.3%
MSR	Tài nguyên	21.0	0.5%	0.7	1,004	0.5	39	538.5	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.8	0.8%	1.1	6,742	33.3	4,060	11.5	2.6	30.2%	25.2%
HSG	Thép	28.4	2.0%	1.4	549	8.6	3,387	8.4	1.8	7.3%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	98.4	-0.8%	0.7	8,941	12.1	4,770	20.6	6.6	56.1%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	180.0	2.9%	0.8	5,019	1.3	7,064	25.5	5.8	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	92.5	4.5%	0.9	4,724	12.5	1,054	87.8	6.8	32.1%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.4	0.9%	1.2	601	3.7	946	23.7	1.8	8.0%	7.4%
ACV	Vận tải	73.8	-0.3%	0.8	6,985	0.2	3,450	21.4	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	129.7	-1.4%	1.1	2,954	2.6	132		4.5	19.1%	0.5%
HVN	Vận tải	32.7	0.2%	1.7	2,013	1.8	(7,647)		7.2	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	33.9	0.0%	0.9	444	4.3	1,133	29.9	1.7	37.7%	5.7%
PVT	Vận tải	17.1	-0.9%	1.3	240	1.5	1,953	8.7	1.1	12.6%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	97.2	-1.6%	1.0	676	3.0	8,257	11.8	4.0	3.7%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.7	-0.7%	0.4	695	0.3	1,340	26.6	2.5	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.4	-0.3%	0.9	304	0.7	1,613	11.4	1.3	3.2%	11.5%
CTD	Xây dựng	72.9	-1.1%	1.1	235	1.3	5,769	12.6	0.6	45.3%	5.2%
CII	Xây dựng	25.6	-0.2%	0.4	265	2.3	1,030	24.8	1.3	32.3%	5.1%
REE	Điện	52.6	-1.1%	-1.4	707	1.7	5,250	10.0	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	28.0	-0.7%	-0.4	233	0.4	2,642	10.6	1.3	11.8%	13.6%
POW	Điện	13.2	0.0%	0.6	1,344	5.1	938	14.1	1.1	3.7%	7.9%
NT2	Điện	22.2	-0.2%	0.5	278	0.4	2,095	10.6	1.5	15.3%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	38.2	-1.2%	1.1	779	4.3	363	105.0	1.9	21.5%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	57.5	-1%	1.0	2,588	0.0			3.8	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
#N/	92.50	4.52	1.25	3.15MLN
VHM	97.30	1.04	0.89	1.90MLN
SAB	180.00	2.86	0.85	168700
VIC	117.90	0.77	0.81	2.82MLN
VIB	48.40	4.31	0.59	1.46MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.44	2.82MLN	1.11MLN
GVR	0.00	-0.43	2.06MLN	607060
VJC	0.00	-0.27	456300	373600
CTG	0.00	-0.25	11.84MLN	192700
VPB	0.00	-0.20	2.88MLN	611640

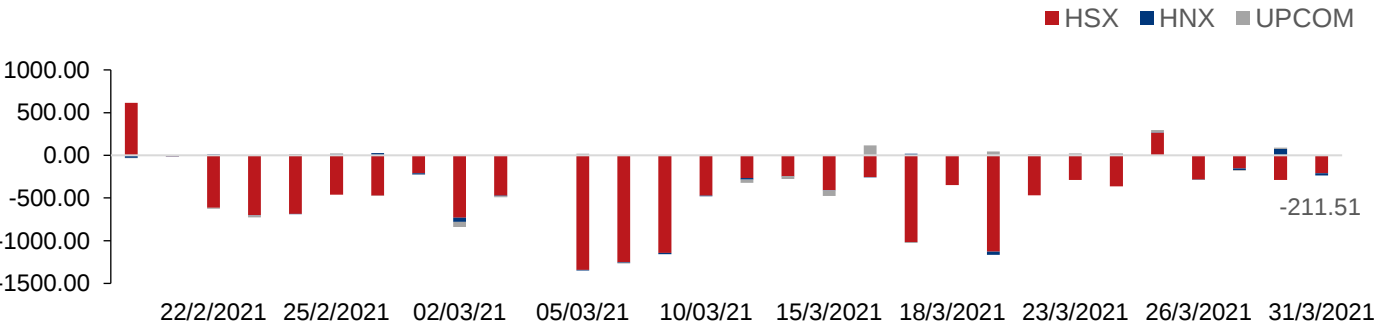
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNT	6.12	6.99	0.00	458400.00
HHS	7.22	6.96	0.03	12.87MLN
TLH	12.30	6.96	0.02	4.94MLN
SII	20.00	6.95	0.02	100
VID	11.55	6.94	0.01	47000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAP	15.35	-6.97	-0.02	1.19MLN
HOT	40.05	-6.97	-0.01	600
TS4	5.56	-6.71	0.00	382800.00
SC5	20.30	-6.67	-0.01	2000
HAS	11.95	-6.64	0.00	6800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.6	1,390	11.9	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.3	3,557	9.4	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.8	3,450	21.4	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	30.7	4,043	7.6	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	40.2	3,678	10.9	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.1	13,724	4.2	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	67.5	5,734	11.8	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	117.9	6,245	18.9	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	19.9	1,765	11.2	1.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.8	2,158	13.3	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.0	-956		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	77.7	4,520	17.2	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.9	1,133	29.9	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.2	6,277	6.9	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	46.8	4,060	11.5	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	28.4	3,387	8.4	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.4	1,613	11.4	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.2	363	105.0	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	30.5	2,044	14.9	2.1	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	17.4			1.3	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.7	3,258	11.3	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	92.5	1,054	87.8	6.8	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	129.7	8,654	15.0	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.0	3,127	11.2	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.4	7,985	7.3	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.9	1,842	15.1	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	84.5	4,532	18.6	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.2	938	14.1	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	22.6	0	79.4	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.0	1,357	16.9	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	180.0	7,064	25.5	5.8	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.4	946	23.7	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	40.4	3,521	11.5	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.8	4,974	19.1	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.1	4,239	10.4	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	17.7	563	31.4	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.8	3,873	10.0	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	98.4	4,770	20.6	6.6	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	97.3	8,314	11.7	3.7	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	27.8	943	29.5	2.3	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.4	875	13.0	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	131.0	9,182	14.3	7.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	44.7	4,271	10.5	2.1	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.7	1,048	31.2	2.5	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	90.0	4,060	22.2	6.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		X	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	X		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		X	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	X		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		X	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	X		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	X		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		X	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		X	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		X	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		X	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	X		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	X		Click
14	Fishery Outlook 2021		X	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	X		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày		
Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 18600; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 79390; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD:
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 15000; Giá tại Publish 11150 Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần
Express DXG 2020Q4	8/10/20	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639